

Bản án số: **16/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 - 01 - 2026

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm

Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10/11/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị Thu H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Phúc Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phúc Văn T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ma Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phúc Văn T kết hôn với nhau từ năm 2017. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện X, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/01/2017. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn O, xã K, huyện X, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do hai vợ chồng có sự cách biệt về tuổi tác dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2025 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Phúc Văn T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phúc Văn T, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Phúc Văn T không có con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Phúc Văn T chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Phúc Văn T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Thu H.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Phúc Văn Đ là bố đẻ của bị đơn anh Phúc Văn T, nội dung thể hiện:

Chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, vợ chồng chị H, anh T về chung sống tại thôn O, xã K, huyện X, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, chính quyền địa phương và người thân thích của anh Phúc Văn T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị Thu H đối với anh Phúc Văn T theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T không có con chung; không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Sau khi vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân thì chị Ma Thị Thu H bỏ đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên, còn anh Phúc Văn T chuyển về sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang do ông Phúc Văn Đ là chủ hộ gia đình. Hiện nay, anh T vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương, hàng ngày thường đi làm gần nhà sau đó lại về ăn cơm và sinh hoạt tại nhà bố mẹ đẻ. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh T qua đường Bưu điện. Bố mẹ anh T ở nhà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa

án và giao lại cho anh T nên anh T đã biết được việc chị Ma Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với mình. Bản thân anh T cũng xác định do mâu thuẫn vợ chồng với chị H đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng không có sự ràng buộc về con cái, tài sản hay vay nợ gì nên cũng nhất trí ly hôn với chị H để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh T không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phúc Văn T không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị Thu H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Thu H được ly hôn với anh Phúc Văn T.

+ Về con chung; tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Ma Thị Thu H thể hiện vợ chồng chị H, anh T không có con chung; không có tài sản, đất đai vay nợ chung; chị Ma Thị Thu H cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Phúc Văn T không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Ma Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phúc Văn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phúc Văn T có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Do

đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Phúc Văn T có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Ma Thị Thu H đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Phúc Văn T. Anh Phúc Văn T thường xuyên có mặt tại địa phương, đã nhận được các văn bản tố tụng, Giấy triệu tập của Tòa án nhưng từ chối đến Tòa án làm việc. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phúc Văn T đến tham gia phiên tòa (tổng đạt trực tiếp cho người thân thích đang chung sống cùng một nhà) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, tự từ bỏ quyền, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Ma Thị Thu H có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ma Thị Thu H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phúc Văn T không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 06/01/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn O, xã K, huyện X, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn O, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự cách biệt về tuổi tác dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị Ma Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng với anh Phúc Văn T đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phúc Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ma Thị Thu H được ly hôn với anh Phúc Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung; tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Ma Thị Thu H và anh Phúc Văn T không có con chung; không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị Thu H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Phúc Văn T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Thu H được ly hôn với anh Phúc Văn T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 06/01/2017 tại UBND xã K, huyện X, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001279, ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tuyên Quang). Ghi nhận chị Ma Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Phúc Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ma Thị Thu H và bị đơn anh Phúc Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San